



RSM DTL Auditing

Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho 06 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất	4
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 30 tháng 6 năm 2014	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho 06 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho 06 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 40

36178
ÔNG
NHIỆM
EM T
D.T
T.P.H

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Khánh Hội (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho 06 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Khánh Hội được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000344 ngày 23 tháng 03 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 07 tháng 5 năm 2012.

Trụ sở Công ty được đặt tại số 360A Bến Vân Đồn, phường 1, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 141.203.090.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xuất nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng và vật tư sản xuất
- Sản xuất, kinh doanh thực phẩm (trừ chế biến thực phẩm tươi sống tại trụ sở), bánh kẹo, rượu, bia, đồ uống (không sản xuất tại trụ sở); chế biến lâm sản (trừ chế biến gỗ tại trụ sở). Sản xuất, gia công hàng may mặc, da và giả da, giày dép (trừ: tẩy nhuộm hồ in, thuộc da, tái chế phế thải và không gia công hàng đã qua sử dụng tại trụ sở).
- Được phép kinh doanh đa ngành nghề theo quy định của pháp luật. Dịch vụ: billard, giải khát (không kinh doanh dịch vụ billard và giải khát tại trụ sở), giặt ủi cao cấp, cầm đồ, sửa chữa điện gia dụng-điện tử hàng hải. Cho thuê nhà trọ (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán và bảo hành hàng kim khí điện máy. Mua bán điện gia dụng, các loại thiết bị-linh kiện điện, điện tử hàng hải, vải sợi, quần áo may sẵn, Trồng rừng. Mua bán, cho thuê nhà và văn phòng. San lấp mặt bằng.
- Đầu tư xây dựng các khu thương mại, siêu thị, các loại nhà ở phục vụ nhu cầu của nhân dân ở thành phố và đô thị. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Mua bán vàng. Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Dịch vụ nhà đất. Cho thuê bến bãi. Sản xuất, mua bán hàng trang trí nội thất (trừ chế biến gỗ, tái chế nhựa phế thải, sản xuất gốm sứ, thủy tinh tại trụ sở). Sản xuất, gia công các loại bao bì (trừ chế biến gỗ, tái chế nhựa, kim loại, giấy phế thải tại trụ sở). In trên bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán máy móc thiết bị viễn thông, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất. Mua bán gas (không kinh doanh tại trụ sở) và bếp gas. Cho thuê kho. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Giáo dục mầm non. Kinh doanh bất động sản.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh	Ghi chú
Ông Phạm Phú Quốc	Chủ tịch HĐQT	bổ nhiệm ngày 19/4/2014
Ông Nguyễn Thi	Chủ tịch HĐQT	miễn nhiệm ngày 19/4/2014
Ông Nguyễn Thi	Thành viên HĐQT	bổ nhiệm ngày 19/4/2014
Ông Lê Văn Trường	Thành viên HĐQT	bổ nhiệm ngày 19/4/2014
Ông Đinh Lê Chiến	Thành viên HĐQT	bổ nhiệm ngày 19/4/2014
Bà Võ Thị Vân Anh	Thành viên HĐQT	miễn nhiệm ngày 19/4/2014
Bà Nguyễn Ngọc Hạnh	Thành viên HĐQT	bổ nhiệm ngày 19/4/2014
Ông Thân Đức Dương	Thành viên HĐQT	bổ nhiệm ngày 19/4/2014
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên HĐQT	bổ nhiệm ngày 19/4/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh	Ghi chú
Ông Vũ Hoàng Tuấn	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 19/4/2014
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19/4/2014
Ông Trần Minh Đạt	Thành viên	miễn nhiệm ngày 19/4/2014
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19/4/2014

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Bà Nguyễn Ngọc Hạnh	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh 06 tháng đầu năm 2014

Các số liệu về tình hình kinh doanh 06 tháng đầu năm 2014 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được soát xét bởi Công ty kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc 6 tháng đầu năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính cho 06 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Công ty.

(Phần tiếp theo ở trang 03)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho 06 tháng đầu năm kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN NGỌC HẠNH



Số: 15.152/BCSX-2014.

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các Cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu năm 2014 của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Khánh Hội (dưới đây gọi tắt là Công ty) và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn) từ trang 05 đến trang 40 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2014

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL



TĂNG QUỐC THẮNG
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0075-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

LỘ NGUYỄN THÚY PHƯƠNG
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1191-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		265.118.380.809	292.917.992.503
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	51.721.214.293	85.694.166.174
1. Tiền	111		2.771.214.293	2.104.166.174
2. Các khoản tương đương tiền	112		48.950.000.000	83.590.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	8.705.465.596	7.300.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		8.705.465.596	7.300.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.3	9.848.088.050	9.303.919.209
1. Phải thu khách hàng	131		21.994.651.478	21.351.640.862
2. Trả trước cho người bán	132		89.403.947	128.479.350
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		2.173.479.244	2.233.245.616
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(14.409.446.619)	(14.409.446.619)
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	194.175.187.141	190.098.722.529
1. Hàng tồn kho	141		194.175.187.141	190.098.722.529
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		668.425.729	521.184.591
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		447.943.314	427.615.421
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		55.675	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		220.426.740	93.569.170

(phần tiếp theo trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		123.448.799.670	113.785.185.709
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		15.836.393.102	16.171.071.919
1. TSCĐ hữu hình	221	5.5	15.373.004.211	15.613.349.696
+ Nguyên giá	222		20.969.787.162	20.534.720.030
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.596.782.951)	(4.921.370.334)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.6	463.388.891	557.722.223
+ Nguyên giá	228		824.000.000	824.000.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(360.611.109)	(266.277.777)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240	5.7	21.651.685.563	22.258.178.318
+ Nguyên giá	241		38.654.993.257	38.766.287.224
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		(17.003.307.694)	(16.508.108.906)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	83.976.778.630	73.009.657.462
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		10.800.000.000	451.978.832
3. Đầu tư dài hạn khác	258		90.044.229.009	89.425.129.009
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(16.867.450.379)	(16.867.450.379)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.983.942.375	2.346.278.010
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	1.948.614.500	2.293.521.753
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	6.10	35.327.875	52.756.257
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		388.567.180.479	406.703.178.212

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		94.656.059.213	112.930.407.210
I. Nợ ngắn hạn	310		90.684.775.376	108.925.340.634
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		1.101.176.471	1.101.176.471
2. Phải trả người bán	312	5.10	329.028.077	129.805.597
3. Người mua trả tiền trước	313	5.10	943.344.791	80.595.832.629
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	2.133.832.404	3.104.381.959
5. Phải trả người lao động	315		670.229.785	118.076.445
6. Chi phí phải trả	316		201.847.170	65.000.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	79.295.112.102	18.177.515.191
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.13	6.010.204.576	5.633.552.342
II. Nợ dài hạn	330		3.971.283.837	4.005.066.576
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.14	3.748.487.223	3.737.725.223
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		222.796.614	267.341.353
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		293.911.121.266	292.586.885.132
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	293.911.121.266	292.586.885.132
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		141.203.090.000	141.203.090.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		95.682.643.118	95.682.643.118
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(13.376.358.507)	(13.376.358.507)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		25.011.138.018	23.452.999.472
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		26.162.716.092	23.530.042.519
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		19.227.892.545	22.094.468.530
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	1.185.885.870
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		388.567.180.479	406.703.178.212

236
CỘNG HÒA
KIỂM
D.

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Chỉ tiêu	Th. minh	Cuối kỳ	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		3.120.378.283	3.120.378.283
5. Ngoại tệ các loại + USD		5,023.83	5,044.04
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP.Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 7 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THANH NHỰT

QUÁCH TOÀN BÌNH

NGUYỄN NGỌC HẠNH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

360A Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, TP.HCM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho sáu tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	28.448.902.414	37.155.801.803
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	-	7.673.499.818
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	28.448.902.414	29.482.301.985
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	10.734.143.971	9.706.157.708
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.714.758.443	19.776.144.277
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.186.535.043	6.552.806.662
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.205.130.823	1.159.812.945
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		152.201.667	17.333.333
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	74.569.781	214.109.768
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	4.593.375.625	5.279.516.410
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.028.217.257	19.675.511.816
11. Thu nhập khác	31	6.7	3.737.264.751	3.437.413.184
12. Chi phí khác	32	6.8	3.018.689.683	2.624.535.964
13. Lợi nhuận khác	40		718.575.068	812.877.220
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		(451.978.832)	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		15.294.813.493	20.488.389.036
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	6.9	3.032.876.035	3.069.563.684
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	6.10	17.428.382	1.379.811.230
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		12.244.509.076	16.039.014.122
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		-	522.891.174
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		12.244.509.076	15.516.122.948
19. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu của công ty mẹ	80	5.15	959	1.215

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 7 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THANH NHỰT

KẾ TOÁN TRƯỞNG TỔNG GIÁM ĐỐC





QUÁCH TOÀN BÌNH NGUYỄN NGỌC HẠNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho sáu tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		33.934.203.836	36.273.425.712
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(7.492.137.809)	(13.129.151.162)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.653.532.512)	(5.329.564.749)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(152.201.667)	(17.333.333)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(4.046.561.248)	(3.265.097.027)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		70.271.664.862	27.236.001.737
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(103.553.944.508)	(17.649.933.238)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(16.692.509.046)	24.118.347.940
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(498.009.798)	(258.893.745)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		13.500.000	5.050.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(2.405.465.596)	(4.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	20.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(11.800.000.000)	(5.092.912.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		380.899.033	37.305.600
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.587.962.634	4.259.257.314
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.721.113.727)	14.949.807.169

(Phần tiếp theo trang 11)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho sáu tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(174.199.983)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		63.000.000.000	6.705.882.353
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(63.000.000.000)	(23.200.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.385.129.125)	(12.415.567.050)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.559.329.108)	(28.909.684.697)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(33.972.951.881)	10.158.470.412
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		85.694.166.174	76.450.893.455
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		51.721.214.293	86.609.363.867

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 7 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU


NGUYỄN THANH NHỰT

KẾ TOÁN TRƯỞNG


QUÁCH TOÀN BÌNH



TỔNG GIÁM ĐỐC


NGUYỄN NGỌC HẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho sáu tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Khánh Hội (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000344 ngày 23 tháng 03 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 07 tháng 5 năm 2012.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 22 là 141.203.090.000 VND.

Công ty có đầu tư vào 03 công ty con và 02 công ty liên kết như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn".

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xuất nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng và vật tư sản xuất.
- Sản xuất, kinh doanh thực phẩm (trừ chế biến thực phẩm tươi sống tại trụ sở), bánh kẹo, rượu, bia, đồ uống (không sản xuất tại trụ sở); chế biến lâm sản (trừ chế biến gỗ tại trụ sở). Sản xuất, gia công hàng may mặc, da và giả da, giày dép (trừ: tẩy nhuộm hồ in, thuộc da, tái chế phế thải và không gia công hàng đã qua sử dụng tại trụ sở).
- Được phép kinh doanh đa ngành nghề theo quy định của pháp luật. Dịch vụ: billard, giải khát (không kinh doanh dịch vụ billard và giải khát tại trụ sở), giặt ủi cao cấp, cầm đồ, sửa chữa điện gia dụng-điện tử hàng hải. Cho thuê nhà trọ (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán và bảo hành hàng kim khí điện máy. Mua bán điện gia dụng, các loại thiết bị-linh kiện điện, điện tử hàng hải, vải sợi, quần áo may sẵn. Trồng rừng. Mua bán, cho thuê nhà và văn phòng. San lấp mặt bằng.
- Đầu tư xây dựng các khu thương mại, siêu thị, các loại nhà ở phục vụ nhu cầu của nhân dân ở thành phố và đô thị. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Mua bán vàng. Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Dịch vụ nhà đất. Cho thuê bến bãi. Sản xuất, mua bán hàng trang trí nội thất (trừ chế biến gỗ, tái chế nhựa phế thải, sản xuất gốm sứ, thủy tinh tại trụ sở). Sản xuất, gia công các loại bao bì (trừ chế biến gỗ, tái chế nhựa, kim loại, giấy phế thải tại trụ sở). In trên bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán máy móc thiết bị viễn thông, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất. Mua bán gas (không kinh doanh tại trụ sở) và bếp gas. Cho thuê kho. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Giáo dục mầm non. Kinh doanh bất động sản.

1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV Mầm Non Khánh Hội	360D Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, TP.HCM.	100%	100%
2.	Công ty TNHH MTV Sản Giao Dịch Bất Động Sản Khánh Hội	360D Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, TP.HCM.	100%	100%
3.	Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Quản Lý Cao Ốc Khánh Hội	360B Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, TP.HCM.	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 360A Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong kỳ, Công ty đang tiến hành thu tục giải thể Công ty TNHH MTV Sàn Giao Dịch Bất Động Sản Khánh Hội theo Nghị quyết số 29/NQ.HDQT-KHM ngày 14/6/2014 của Hội đồng quản trị.

1.4. Danh sách công ty liên kết được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</u>
Công ty CP Dịch Vụ Chăm Sóc Sức Khỏe Và Giải Trí Khánh Hội.	360C Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, TP.HCM	49%	49%
Công ty CP Thực Phẩm Hóc Môn	14/7A Nguyễn Thị Sóc, Ấp Mỹ Hòa, Xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn, TP.HCM	20%	20%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Khánh Hội, báo cáo tài chính các công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho sáu tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng giai đoạn tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích cổ đông thiểu số trong lợi nhuận hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt, bao gồm lợi ích cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất ban đầu cùng với những thay đổi trong vốn chủ sở hữu của cổ đông thiểu số kể từ ngày hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho 06 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 360A Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quý, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.3 Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.4 Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối giai đoạn tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối giai đoạn tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 360A Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.5 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
+ Máy móc thiết bị	7 – 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 – 8 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5 năm
+ Tài sản cố định hữu hình khác	3 năm

4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Thời gian khấu hao ước tính cho nhóm tài sản như sau:

Phần mềm máy vi tính	5 năm
----------------------	-------

Khi thanh lý bán tài sản vô hình, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản vô hình được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

4.8 Bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 360A Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	48 năm
+ Quyền sử dụng đất	40 – 50 năm
+ Nhà và quyền sử dụng đất	2 – 50 năm

Khi thanh lý/bán bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

4.9 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính khác.
 - + Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
 - + Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác: Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Tập đoàn đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.10 Chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

4.11 Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong kỳ vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: theo Điều lệ của các công ty và Quyết định của Đại hội cổ đông hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 360A Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.12 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.
- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- Lãi từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Doanh thu từ bán các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.13 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.14 Thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp
 - + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.
 - + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính.
- Thuế giá trị gia tăng

Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

+ Bán hàng hóa	10%
+ Dịch vụ cho thuê	10%
+ Các dịch vụ khác	10%

- Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 360A Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.15 Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	440.661.600	290.600.500
Tiền gửi ngân hàng	2.330.552.693	1.813.565.674
Các khoản tương đương tiền	48.950.000.000	83.590.000.000
Tổng cộng	51.721.214.293	85.694.166.174

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Cho vay ngắn hạn	6.300.000.000	1.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	2.405.465.596	6.300.000.000
Tổng cộng	8.705.465.596	7.300.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 360A Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	21.994.651.478	21.351.640.862
Trả trước cho người bán	89.403.947	128.479.350
Các khoản phải thu khác	2.173.479.244	2.233.245.616
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	24.257.534.669	23.713.365.828
Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(14.409.446.619)	(14.409.446.619)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	9.848.088.050	9.303.919.209

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu hoạt động bán căn hộ CCKH2	11.177.583	15.052.490
Phải thu hoạt động bán căn hộ CCKH3	933.524.784	1.250.034.014
Phải thu hoạt động cho thuê MB và điện nước chi hộ	2.070.453.238	1.470.487.612
Phải thu hoạt động bán văn phòng	18.010.209.649	18.010.209.649
Phải thu hoạt động kinh doanh dịch vụ	969.286.224	605.857.097
Cộng	21.994.651.478	21.351.640.862

Trong đó, các khoản phải thu các bên liên quan được chi tiết như sau – xem thêm mục 8.

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Chăm Sóc Sức Khỏe Và Giải Trí Khánh Hội	1.635.559.859	1.165.814.406

(Phần tiếp theo ở trang 20)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 360A Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu về lãi tiền gửi kỳ hạn ngân hàng, lãi cho vay và lãi sử dụng vốn	209.945.074	611.372.665
Phải thu tiền góp vốn đầu tư dự án Titco Plaza do dự án không tiếp tục thực hiện	1.824.676.026	1.471.000.000
Khác	138.858.144	150.872.951
Cộng	2.173.479.244	2.233.245.616

5.4. Hàng tồn kho

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	192.126.000.172	187.031.567.200
Thành phẩm	252.038.099	252.038.099
Hàng hóa	44.630.370	68.797.224
Hàng hóa bất động sản	1.752.518.500	2.746.320.006
Cộng giá gốc hàng tồn kho	194.175.187.141	190.098.722.529
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	194.175.187.141	190.098.722.529

(Phần tiếp theo ở trang 21)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 360A Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục						VND
	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	17.257.421.493	570.741.772	1.760.320.086	411.681.655	534.555.024	20.534.720.030
Mua trong kỳ	-	-	-	-	240.990.725	240.990.725
XDCB hoàn thành	202.545.454	-	-	-	-	202.545.454
Giảm khác	-	-	-	(8.469.047)	-	(8.469.047)
Số dư cuối kỳ	17.459.966.947	570.741.772	1.760.320.086	403.212.608	775.545.749	20.969.787.162
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	3.243.384.462	380.798.920	958.386.546	276.063.060	62.737.346	4.921.370.334
Khấu hao trong kỳ	441.176.982	11.901.864	98.323.779	40.004.232	87.274.524	678.681.381
Giảm khác	-	-	-	(3.268.764)	-	(3.268.764)
Số dư cuối kỳ	3.684.561.444	392.700.784	1.056.710.325	312.798.528	150.011.870	5.596.782.951
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	14.014.037.031	189.942.852	801.933.540	135.618.595	471.817.678	15.613.349.696
Tại ngày cuối kỳ	13.775.405.503	178.040.988	703.609.761	90.414.080	625.533.879	15.373.004.211

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.018.094.178 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 360A Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	VND
Khoản mục	Phần mềm máy vi tính
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	824.000.000
Số dư cuối kỳ	824.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	266.277.777
Khấu hao trong kỳ	94.333.332
Số dư cuối kỳ	360.611.109
Tại ngày đầu năm	557.722.223
Tại ngày cuối kỳ	463.388.891

5.7. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	VND		
Khoản mục	Nhà	Nhà và quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	20.331.586.862	18.434.700.362	38.766.287.224
Thanh lý trong kỳ	-	(111.293.967)	(111.293.967)
Số dư cuối kỳ	20.331.586.862	18.323.406.395	38.654.993.257
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	12.900.284.030	3.607.824.876	16.508.108.906
Khấu hao trong kỳ	322.081.631	284.411.124	606.492.755
Thanh lý trong kỳ	-	(111.293.967)	(111.293.967)
Số dư cuối kỳ	13.222.365.661	3.780.942.033	17.003.307.694
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	7.431.302.832	14.826.875.486	22.258.178.318
Tại ngày cuối kỳ	7.109.221.201	14.542.464.362	21.651.685.563

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 360A Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	10.800.000.000	451.978.832
Đầu tư cổ phiếu	43.118.466.666	43.499.366.666
Đầu tư dài hạn vào dự án	46.925.762.343	45.925.762.343
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	100.844.229.009	89.877.107.841
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn khác	(16.867.450.379)	(16.867.450.379)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	83.976.778.630	73.009.657.462

Đầu tư vào cổ phiếu công ty liên kết được chi tiết như sau:

			VND	
	Phân loại đầu tư	Số lượng cổ phần	Vốn góp theo phương pháp giá gốc đến 30/6/2014	Vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu đến 30/6/2014
Công ty CP Chế Biến Thực Phẩm Hóc Môn	Liên kết	1.080.000	10.800.000.000	10.800.000.000
Cộng		1.080.000	10.800.000.000	10.800.000.000

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Dự án Xuân Thới Đông Hóc Môn	46.925.762.343	45.925.762.343
Cộng	46.925.762.343	45.925.762.343

5.9. Chi phí trả trước dài hạn

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	2.293.521.753	2.480.138.864
Tăng trong kỳ	493.647.749	732.720.131
Kết chuyển chi phí trong kỳ	(838.555.002)	(512.601.624)
Số dư cuối kỳ	1.948.614.500	2.700.257.371

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 360A Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	329.028.077	129.805.597
Người mua trả tiền trước	943.344.791	80.595.832.629
Tổng cộng	1.272.372.868	80.725.638.226

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	712.417.012	412.600.882
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.341.670.502	2.355.355.715
Thuế thu nhập cá nhân	6.880.980	182.433.946
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	72.863.910	153.991.416
Tổng cộng	2.133.832.404	3.104.381.959

5.12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	5.627.911	3.470.711
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	10.378.785	12.008.341
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	211.367.000	201.817.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	79.067.738.406	17.960.219.139
Tổng cộng	79.295.112.102	18.177.515.191

(Phần tiếp theo ở trang 25)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 360A Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các khoản phải trả phải nộp khác được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền đầu tư dự án Chung cư Khánh Hội 4 - Học môn (Nhận vốn góp dự án - Cty CP Đầu tư TM Học Môn)	6.930.291.622	6.864.644.478
Tiền 2% bảo trì căn hộ, lệ phí trước bạ CCKH2	4.928.512.363	4.928.512.363
Tiền 2% bảo trì Chung cư KH 2 - Khu văn phòng	497.118.418	459.199.599
Tiền 2% bảo trì căn hộ Chung cư KH 3	2.405.465.596	2.405.465.596
Cổ tức phải trả	28.185.350	29.197.100
Căn hộ tái định cư – Chung cư KH 3	2.955.000.000	2.955.000.000
Nhận tiền ứng trước theo hợp đồng chuyển nhượng dự án	60.000.000.000	-
Khác	1.323.165.057	318.200.003
Tổng cộng	79.067.738.406	17.960.219.139

5.13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	5.633.552.342	6.745.651.944
Trích lập trong kỳ	4.536.002.442	4.351.864.748
Tăng khác	32.459.233	401.100.481
Sử dụng trong kỳ	(4.191.809.441)	(4.064.538.501)
Số dư cuối kỳ	6.010.204.576	7.434.078.672

5.14. Phải trả dài hạn khác

Đây là khoản nhận đặt cọc tiền thuê mặt bằng.

(Phần tiếp theo ở trang 26)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 360A Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.15. Vốn chủ sở hữu**5.15.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	VND					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	141.203.090.000	95.682.643.118	(13.917.009.162)	40.418.623.446	20.676.681.900	284.064.029.302
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	32.544.927.174	32.544.927.174
Trích lập quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	6.621.584.697	(6.621.584.697)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(4.262.174.785)	(4.262.174.785)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(19.146.050.625)	(19.146.050.625)
Tăng khác	-	-	540.650.655	-	-	540.650.655
Giảm khác	-	-	-	(57.166.152)	(1.097.330.437)	(1.154.496.589)
Số dư đầu năm nay	141.203.090.000	95.682.643.118	(13.376.358.507)	46.983.041.991	22.094.468.530	292.586.885.132
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	12.244.509.076	12.244.509.076
Trích lập quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	4.190.812.119	(4.190.812.119)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(4.536.002.442)	(4.536.002.442)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(6.384.219.500)	(6.384.219.500)
Giảm khác	-	-	-	-	(51.000)	(51.000)
Số dư cuối kỳ	141.203.090.000	95.682.643.118	(13.376.358.507)	51.173.854.110	19.227.892.545	293.911.121.266

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 360A Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.15.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	40.073.870.000	40.073.870.000
Vốn góp của các đối tượng khác	101.129.220.000	101.129.220.000
Tổng cộng	141.203.090.000	141.203.090.000

5.15.3. Cổ phần

	Cuối kỳ	Đầu năm
▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	14.120.309	14.120.309
▪ Số lượng cổ phần đã bán ra	12.768.439	12.768.439
▪ Số lượng cổ phần được mua lại	-	-
▪ Số lượng cổ phần đang lưu hành	12.768.439	12.768.439
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

5.15.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi hợp nhất sau thuế của các cổ đông của công ty mẹ	12.244.509.076	15.516.122.948
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	12.768.439	12.768.439
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	959	1.215

5.15.5. Phân phối lợi nhuận

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	22.094.468.530	20.676.681.900
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	12.244.509.076	15.516.122.948
Trích lập Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	(4.190.812.119)	(6.647.698.820)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.536.002.442)	(4.351.864.748)
Chia cổ tức	(6.384.219.500)	(6.384.219.500)
Giảm khác	(51.000)	46.637.502
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	19.227.892.545	18.855.659.282

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 360A Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ	15.731.771.337	22.700.480.164
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	12.352.692.945	12.860.422.615
Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất	364.438.132	1.594.899.024
Hàng bán bị trả lại	-	(7.673.499.818)
Doanh thu thuần	28.448.902.414	29.482.301.985

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của thành phẩm, dịch vụ và hàng hóa	8.652.710.485	9.472.596.752
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	1.717.088.910	1.645.043.824
Giá vốn chuyển quyền sử dụng đất	364.344.576	1.594.899.024
Giá vốn hàng bán bị trả lại	-	(3.006.381.892)
Tổng cộng	10.734.143.971	9.706.157.708

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.384.454.375	2.822.998.979
Lãi bán hàng trả chậm	-	90.949.110
Cổ tức, lợi nhuận được chia	726.664.000	1.401.264.308
Lãi sử dụng vốn	75.416.668	2.136.292.265
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	33.750.000
Khác	-	67.552.000
Tổng cộng	3.186.535.043	6.552.806.662

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 360A Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

6.4. Chi phí tài chính

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	152.201.667	17.333.333
Lỗ thanh lý công ty con	1.052.928.189	1.142.479.612
Khác	967	-
Tổng cộng	1.205.130.823	1.159.812.945

6.5. Chi phí bán hàng

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	27.726.000	70.852.999
Chi phí vật liệu, bao bì	-	2.498.862
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.141.583	134.876.093
Chi phí bằng tiền khác	5.702.198	5.881.814
Tổng cộng	74.569.781	214.109.768

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.433.121.045	2.617.198.866
Chi phí đồ dùng văn phòng	269.889.783	199.402.923
Chi phí khấu hao TSCĐ	312.996.308	294.173.114
Thuế, phí và lệ phí	150.745.760	324.346.375
Chi phí dịch vụ mua ngoài	503.840.517	505.331.522
Chi phí bằng tiền khác	922.782.212	1.339.063.610
Tổng cộng	4.593.375.625	5.279.516.410

(Phần tiếp theo ở trang 30)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 360A Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

6.7. Thu nhập khác

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	23.590.907	31.186.364
Tiền điện sử dụng	2.882.184.494	2.384.014.746
Tiền nước và phí bảo vệ môi trường	752.326.434	799.471.843
Khác	79.162.916	222.740.231
Tổng cộng	3.737.264.751	3.437.413.184

6.8. Chi phí khác

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	11.687.501
Tiền điện sử dụng	2.246.543.029	1.873.574.706
Tiền nước và phí bảo vệ môi trường	553.300.946	693.934.887
Chi phí khác	218.845.708	45.338.870
Tổng cộng	3.018.689.683	2.624.535.964

(Phần tiếp theo ở trang 31)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 360A Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	15.294.813.493	20.488.389.036
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	338.525.223	75.923.189
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(514.290.663)	(6.982.592.531)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	15.119.048.053	13.581.719.694
Bao gồm:		
▪ Thu nhập chịu thuế suất 10%	2.266.555.077	2.172.441.038
▪ Thu nhập chịu thuế suất 20%	1.469.521.172	-
▪ Thu nhập chịu thuế suất 22%	11.382.971.804	-
▪ Thu nhập chịu thuế suất 25%	-	11.409.278.656
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	3.024.813.535	3.069.563.684
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước	8.062.500	-
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong kỳ	3.032.876.035	3.069.563.684

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế như: cổ tức, chi phí không hợp lệ.

6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại, thuế TNDN hoãn lại phải trả của Tập đoàn và những biến động trong kỳ và năm trước được trình bày như sau:

	Lãi chưa thực hiện trong TSCĐ	Lãi chưa thực hiện trong hàng tồn kho	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	1.105.773.976	360.519.730	1.466.293.706
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước	(1.087.921.303)	(325.616.146)	(1.413.537.449)
Số dư đầu năm nay	17.852.673	34.903.584	52.756.257
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh kỳ này	(7.169.100)	(10.259.282)	(17.428.382)
Số dư cuối kỳ	10.683.573	24.644.302	35.327.875

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 360A Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản TNDN hoãn lại	35.327.875	52.756.257
6.11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.368.694.765	2.421.038.477
Chi phí nhân công	7.163.861.504	6.608.512.091
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.379.507.468	1.530.749.966
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.101.167.913	6.398.139.699
Chi phí khác bằng tiền	5.612.678.233	2.025.692.562
Tổng cộng	19.625.909.883	18.984.132.795

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Kinh doanh bất động sản (bán căn hộ chung cư, văn phòng và cho thuê mặt bằng chung cư).
- Sản xuất chế biến lâm sản.
- Dịch vụ giáo dục mầm non.
- Dịch vụ tư vấn thiết kế xây dựng.
- Dịch vụ môi giới bất động sản.
- Mua bán vật liệu xây dựng.
- Dịch vụ chung cư.
- Hoạt động khác

(Phần tiếp theo ở trang 33)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 360A Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cho 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: triệu đồng.

	Kinh doanh bất động sản	Giáo dục mầm non	Môi giới bất động sản	Dịch vụ chung cư	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu						
Từ khách hàng bên ngoài	15.076	5.637	106	7.630	-	28.449
Giữa các bộ phận	2.535	-	60	1.410	(4.005)	-
Tổng cộng	17.611	5.637	166	9.040	(4.005)	28.449
Kết quả bộ phận	13.097	2.770	166	1.807	(126)	17.714
Chi phí bán hàng	79	-	121	-	(126)	74
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.017	767	178	633	(2)	4.593
Thu nhập khác	3.676	12	10	39	-	3.737
Chi phí khác	3.016	-	-	2	-	3.018
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	10.661	2.015	(123)	1.211	2	13.766
Thu nhập tài chính	6.454	252	175	64	(3.759)	3.186
Chi phí tài chính	1.443	-	-	-	(238)	1.205
Phần lỗ trong công ty liên kết,	-	-	-	-	(452)	(452)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	15.672	2.267	52	1.275	(3.971)	15.295
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.512	227	11	283	-	3.033
Thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-	-	17	17
Lợi nhuận sau thuế	13.160	2.040	41	992	(3.988)	12.245
Lợi ích cổ đông thiểu số						-
Lợi nhuận thuần						12.245

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 360A Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cho 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Kinh doanh bất động sản	Giáo dục mầm non	Môi giới bất động sản	Dịch vụ chung cư	Loại trừ	Tổng cộng
Các thông tin khác						
Tài sản của bộ phận	382.603	20.551	6.152	4.472	(25.199)	388.579
Tài sản không phân bổ						-
Tổng tài sản hợp nhất						388.579
Nợ phải trả của bộ phận	92.244	1.976	62	1.422	(1.048)	94.656
Nợ phải trả không phân bổ						-
Tổng nợ phải trả hợp nhất						94.656
Chi phí mua sắm tài sản	444	-	-	-	-	444
Chi phí khấu hao	973	369	8	29	-	1.379

(Phần tiếp theo ở trang 35)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 360A Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cho 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: triệu đồng

	Kinh doanh bất động sản	Giáo dục mầm non	Môi giới bất động sản	Dịch vụ chung cư	Khác	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu							
Từ khách hàng bên ngoài	12.094	5.399	150	6.167	-	-	23.810
Giữa các bộ phận	2.111			1.681	5.672	(3.792)	5.672
Tổng cộng	14.205	5.399	150	7.848	5.672	(3.792)	29.482
Kết quả bộ phận	9.428	2.688	150	2.051	-	5.459	19.776
Chi phí bán hàng	120	-	160	-	-	(66)	214
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.680	768	149	681	2	-	5.280
Thu nhập khác	3.298	27	6	74	32	-	3.437
Chi phí khác	2.580	1	-	43	-	-	2.624
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	6.345	1.947	(153)	1.401	30	5.525	15.095
Thu nhập tài chính	8.928	225	236	58	175	(3.070)	6.552
Chi phí tài chính	1.117	-	-	-	-	42	1.159
Phần lỗ trong công ty liên kết,	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận kế toán trước thuế	14.156	2.172	83	1.459	205	2.413	20.488
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.420	217	21	368	43	-	3.069
Thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-	-	-	1.380	1.380
Lợi nhuận sau thuế	11.736	1.955	62	1.091	162	1.033	16.039
Lợi ích cổ đông thiểu số							523
Lợi nhuận thuần							15.516

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 360A Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cho 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: triệu đồng

	Kinh doanh bất động sản	Giáo dục mầm non	Môi giới bất động sản	Dịch vụ chung cư	Khác	Loại trừ	Tổng cộng
Các thông tin khác							
Tài sản của bộ phận	398.048	19.491	6.231	4.435	6.461	(27.832)	406.834
Tài sản không phân bổ							-
Tổng tài sản hợp nhất							406.834
Nợ phải trả của bộ phận	112.080	1.336	121	1.286	31	(519)	114.335
Nợ phải trả không phân bổ							-
Tổng nợ phải trả hợp nhất							114.335
Chi phí mua sắm tài sản	75	66	-	10	-	-	151
Chi phí khấu hao	958	367	9	44	4	13	1.395

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Tập đoàn hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực đại lý cần thiết phải thuyết minh.

(Phần tiếp theo ở trang 37)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 360A Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Tập đoàn:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Bến Thành	Công ty đầu tư
2. Công ty CP Dịch Vụ Chăm Sóc Sức Khỏe Và Giải Trí Khánh Hội	Công ty liên kết
3. Công ty CP Chế Biến Thực Phẩm Hóc Môn	Công ty liên kết
4. Bà Nguyễn Ngọc Hạnh	Tổng Giám đốc Công ty

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu các bên liên quan được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu - Xem thêm mục 5.3	1.635.559.859	1.165.814.406

- Bản chất giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi sử dụng vốn	-	47.055.556
Bán hàng	1.252.249.564	-

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban điều hành:

	Kỳ này	Kỳ trước
Thù lao Hội đồng quản trị Tập đoàn	337.750.000	289.000.000
Thu nhập Ban điều hành Tập đoàn	300.688.332	517.104.000
Tổng cộng	638.438.332	806.104.000

9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Tập đoàn áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.15.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 360A Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2014	01/01/2014
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.721.214.293	85.694.166.174
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.758.684.103	9.175.439.859
Đầu tư ngắn hạn	8.705.465.596	7.300.000.000
Đầu tư dài hạn	83.976.778.630	73.009.657.462
Tổng cộng	154.162.142.622	175.179.263.495
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.101.176.471	1.101.176.471
Phải trả người bán và phải trả khác	16.398.143.734	15.135.725.381
Chi phí phải trả	201.847.170	65.000.000
Tổng cộng	17.701.167.375	16.301.901.852

Tập đoàn chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tập đoàn đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tập đoàn chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014
Đô la Mỹ (USD)	64,079.90	64,079.90	5,023.83	5,044.04

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 360A Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất cố định. Rủi ro này được Tập đoàn quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố.

Tập đoàn chịu rủi ro lớn về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất cố định, Tập đoàn có khả năng sẽ phải chịu rủi ro về lãi suất từ các khoản vay này khi có sự biến động về lãi suất.

Rủi ro về giá

Tập đoàn chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tập đoàn không có ý định bán các khoản đầu tư này.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tập đoàn không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

30/06/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả người bán và phải trả khác	12.649.656.511	3.748.487.223	16.398.143.734
Chi phí phải trả	201.847.170	-	201.847.170
Các khoản vay	1.101.176.471	-	1.101.176.471
01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả người bán và phải trả khác	11.398.000.158	3.737.725.223	15.135.725.381
Chi phí phải trả	65.000.000	-	65.000.000
Các khoản vay	1.101.176.471	-	1.101.176.471

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 360A Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

			VND
30/06/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.758.684.103	-	9.758.684.103
Các khoản đầu tư	8.705.465.596	83.976.778.630	92.682.244.226
01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.175.439.859	-	9.175.439.859
Các khoản đầu tư	7.300.000.000	73.009.657.462	80.309.657.462

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC GIAI ĐOẠN TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

11. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 26 tháng 7 năm 2014.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 7 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THANH NHỰT

QUÁCH TOÀN BÌNH

NGUYỄN NGỌC HẠNH